

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31-01-2024

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Đặng Công Thắng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số F đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Nghiệp K, sinh năm 1956. Địa chỉ: G, Quebec H1S B, Canada. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lưu N Khai đăng ký kết hôn vào ngày 17-8-2015 tại Ủy ban nhân dân thành phố Đ và có tổ chức lễ cưới theo phong tục

truyền thống, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau được khoảng 01 đến 02 tháng ở nhà bà tại địa chỉ F đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, rồi ông K quay về Canada sinh sống. Hàng năm, ông K về Việt Nam thăm bà được 01 lần, kéo dài từ 01 đến 02 tháng. Năm 2020, ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K thường xuyên ghen tuông, đa nghi, xúc phạm và lừa dối bà. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Luu N Khai.

- Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung tên Luu Ngọc An N1, sinh ngày 24-10-2020. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000CAD (đô la Canada) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Luu N Khai không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc T và không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc T đối với ông Luu N Khai.

Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Luu Ngọc An N1, sinh ngày 24-10-2020 cho bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc T xác định không có.

Án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, bà Lê Thị Ngọc T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T, hiện cư trú tại: Số F đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Luu N Khai, hiện cư trú tại: G, Quebec H1S B, Canada, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T và bị đơn ông Luu N Khai, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Luu N Khai bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu ông Luu N Khai gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Ngày 21-3-2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Công văn số: 506/CH-BTP ngày 13-3-2023 của Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp bang Quebec, Canada thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp về tổng đạt giấy tờ cho đương sự Luu Nghiep Khai. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt, cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Luu N Khai và đến thời gian mở phiên tòa lần thứ hai: vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 29-9-2023, ông Luu N Khai không có mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 26-9-2023 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có Công văn số: 1023/2023/CV-TA gửi Bộ Tư pháp thông báo về việc trả lời kết quả ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 77/2022/TB-TLVA ngày 23-12-2022 và Giấy triệu tập số 77A/GTT-TA ngày 01-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với ông Luu N Khai.

Cho đến phiên tòa hôm nay, đã hơn 03 tháng, Tòa án không nhận được thông báo của Cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tổng đạt cho ông Luu N Khai, nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Luu N Khai.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Luu N Khai đăng ký kết hôn vào ngày 18-8-2015 tại Ủy ban nhân dân thành phố Đ, hôn nhân tự nguyện (số A, quyển số 01/2015). Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, sau khi kết hôn, ông Luu N Khai trở

về Canada, bà vẫn sống ở Đà Nẵng cho đến nay. Nguyên nhân ly hôn, theo bà T là do ông K đa nghi, ghen tuông, xúc phạm và lừa dối bà; ông K nghi ngờ bà ngoại tình và không muốn nhận con; ông còn có những hành động, lời nói gây áp lực và khủng bố tinh thần đối với bà cũng như gia đình bà. Từ tháng 7/2022 đến nay, ông bà không còn liên lạc với nhau. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Luu N Khai.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc T thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông Luu N Khai chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T với ông Luu N Khai là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc T xác định bà và ông Luu N Khai có 01 con chung tên Lưu Ngọc An N1, sinh ngày 24-10-2020. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi và yêu cầu ông Luu N Khai cấp dưỡng cho con mỗi tháng 10.000.000 đồng/tháng; về phía ông Luu N Khai do việc ủy thác không có kết quả nên không có ý kiến thể hiện yêu cầu của ông Luu N Khai về nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N1 cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T trình bày, hiện nay, bà chỉ biết ông K sống ở Canada và liên tục thay đổi địa chỉ. Ông K nói có làm việc công ty C và ở Việt Nam nhưng bà T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của công ty ông K. Qua sao kê tại ngân hàng do bà T cung cấp, từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2023 trung bình mỗi tháng ông K gửi cho bà T 18.330.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà T, buộc ông K mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Ngọc An N1 cho bà T 10.000.000 đồng/tháng là phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ông K giao tiền cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc T xác định không có. Ông Luu N Khai không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX không đề cập đến về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà T phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Lê Thị Ngọc T với ông Luu N Khai.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn đối với ông Luu N Khai.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Luu Ngọc An N1, sinh ngày 24/10/2020 cho bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Luu N Khai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng. Giao tiền cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai số: 0005151 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ 300.000 đồng ông Luu N Khai phải chịu.

4. Về chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Bà T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0005176 ngày 17/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0005175 ngày 17/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 100 USD, bà T đã nộp đủ theo chứng từ giao dịch ngày 14/02/2023.

Hoàn trả lại 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho bà Lê Thị Ngọc T theo biên lai số: 0005177 ngày 17/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 1.300.000 đồng. Bà T đã nộp đủ chi phí dịch thuật và chứng thực.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Luu N Khai không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- UBND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

